Ký bởi: Bộ Giao thông Vận tải
Email: vpmot@mt.gov.vn
Cơ quan: Bộ Giao thông Vận tải
Thời gian ký: 05.10.2015 09:19:46 +07:00

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 49/2015/TT-BGTVT	*Hà Nội, ngày 22 tháng 9 năm 2015*

THÔNG TƯ

Quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền hạn của lãnh đạo, đăng kiểm viên và nhân viên nghiệp vụ của đơn vị đăng kiểm phương tiện thủy nội địa

Căn cứ Luật Giao thông đường thuỷ nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thuỷ nội địa ngày 17 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 107/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ và Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam,

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ, quyền hạn của lãnh đạo, đăng kiểm viên, nhân viên nghiệp vụ của đơn vị đăng kiểm phương tiện thủy nội địa.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của lãnh đạo, đăng kiểm viên, nhân viên nghiệp vụ của đơn vị đăng kiểm phương tiện thủy nội địa (sau đây gọi là đơn vị đăng kiểm).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Thông tư này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động đăng kiểm phương tiện thủy nội địa.

2. Thông tư này không áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện đăng kiểm phương tiện làm nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, tàu cá.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Lãnh đạo đơn vị đăng kiểm (sau đây gọi là lãnh đạo đơn vị) bao gồm người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu đơn vị đăng kiểm hoặc là người được giao phụ trách công tác đăng kiểm phương tiện thủy nội địa.

2. Đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa (sau đây gọi là Đăng kiểm viên) là người có đủ tiêu chuẩn theo quy định, được công nhận là Đăng kiểm viên để thực hiện hoạt động đăng kiểm phương tiện thủy nội địa.

Đăng kiểm viên bao gồm Đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra và Đăng kiểm viên thực hiện công tác thẩm định thiết kế.

3. Đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra là Đăng kiểm viên thực hiện đăng kiểm vỏ tàu tại hiện trường (sau đây gọi là Đăng kiểm viên chuyên ngành vỏ tàu) hoặc Đăng kiểm viên thực hiện đăng kiểm máy và điện tàu tại hiện trường (sau đây gọi là Đăng kiểm viên chuyên ngành máy tàu).

Đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra bao gồm 3 hạng: Hạng I, hạng II và hạng III.

4. Đăng kiểm viên thực hiện công tác thẩm định thiết kế (sau đây gọi là Đăng kiểm viên thẩm định thiết kế) là Đăng kiểm viên thực hiện thẩm định các loại thiết kế dùng trong đóng mới, hoán cải, sửa chữa phục hồi phương tiện thủy nội địa, nhập khẩu phương tiện và chế tạo sản phẩm công nghiệp lắp đặt trên phương tiện thủy nội địa.

5. Nhân viên nghiệp vụ đơn vị đăng kiểm (sau đây gọi là nhân viên nghiệp vụ) là người thực hiện việc tiếp nhận công việc, lưu trữ, cấp phát hồ sơ, ấn chỉ dùng trong công tác đăng kiểm và thực hiện các công việc khác phục vụ cho hoạt động đăng kiểm phương tiện thủy nội địa.

Chương II
TIÊU CHUẨN CỦA LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ, ĐĂNG KIỂM VIÊN, NHÂN VIÊN NGHIỆP VỤ

Điều 4. Tiêu chuẩn của nhân viên nghiệp vụ

1. Tốt nghiệp trung cấp nghề trở lên.

2. Hoàn thành chương trình tập huấn nhân viên nghiệp vụ đăng kiểm phương tiện thủy nội địa.

Điều 5. Tiêu chuẩn Đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra hạng III

1. Có trình độ chuyên môn thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Đã tốt nghiệp trung cấp chuyên nghiệp trở lên thuộc một trong các ngành vỏ tàu thủy, máy tàu thủy, kỹ thuật tàu thủy, cơ khí tàu thuyền;

b) Đã tốt nghiệp trung cấp nghề trở lên thuộc một trong các ngành vỏ tàu thủy, máy tàu thủy;

c) Đã tốt nghiệp trung cấp chuyên nghiệp trở lên thuộc một trong các ngành điện tàu thủy, cơ khí, cơ khí động lực, cơ khí ô tô và đã được đào tạo bổ

sung chuyên môn đại cương về máy tàu thủy hoặc vỏ tàu thủy theo chương trình 1 hoặc chương trình 3 quy định tại Mục III Phụ lục I của Thông tư này.

2. Đã hoàn thành chương trình tập huấn nghiệp vụ Đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra hạng III.

3. Đã trải qua thời gian thực tập nghiệp vụ đăng kiểm tại đơn vị đăng kiểm tối thiểu 24 tháng đối với người có trình độ trung cấp, cao đẳng hoặc 12 tháng đối với người có trình độ đại học trở lên.

Điều 6. Tiêu chuẩn Đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra hạng II

1. Tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các ngành vỏ tàu thủy, máy tàu thủy, kỹ thuật tàu thủy, cơ khí tàu thuyền.

2. Đã hoàn thành chương trình tập huấn nghiệp vụ Đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra hạng II.

3. Là Đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra hạng III có thời gian giữ hạng liên tục tối thiểu 36 tháng.

4. Có ngoại ngữ tiếng Anh trình độ B trở lên hoặc tương đương.

5. Đã thực tập nghiệp vụ đăng kiểm tại đơn vị đăng kiểm đối với các phương tiện thuộc nhiệm vụ của Đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra hạng II tối thiểu 12 tháng.

Điều 7. Tiêu chuẩn Đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra hạng I

1. Tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành vỏ tàu thủy, máy tàu thủy, kỹ thuật tàu thủy, cơ khí tàu thuyền.

2. Là Đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra hạng II có thời gian giữ hạng liên tục tối thiểu 36 tháng.

3. Đã hoàn thành chương trình tập huấn nghiệp vụ Đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra hạng I.

4. Có ngoại ngữ tiếng Anh trình độ C trở lên hoặc tương đương.

5. Đã thực tập nghiệp vụ đăng kiểm tại đơn vị đăng kiểm đối với các phương tiện thuộc nhiệm vụ của Đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra hạng I tối thiểu 12 tháng.

Điều 8. Tiêu chuẩn Đăng kiểm viên thẩm định thiết kế

1. Tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành vỏ tàu thủy, máy tàu thủy, kỹ thuật tàu thủy, điện tàu thủy.

2. Có ngoại ngữ tiếng Anh trình độ B trở lên hoặc tương đương.

3. Đã hoàn thành chương trình tập huấn nghiệp vụ thẩm định thiết kế phương tiện thủy nội địa của Đăng kiểm viên thẩm định thiết kế.

4. Đã thực tập nghiệp vụ thẩm định thiết kế tối thiểu 12 tháng.

Điều 9. Tiêu chuẩn lãnh đạo đơn vị

1. Lãnh đạo đơn vị đăng kiểm hạng I, hạng II theo quy định tại Thông tư quy định về đăng kiểm phương tiện thủy nội địa phải là đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa.

2. Lãnh đạo đơn vị đăng kiểm hạng III theo quy định tại Thông tư quy định về đăng kiểm phương tiện thủy nội địa phải nắm vững các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy định, quy trình, hướng dẫn nghiệp vụ liên quan đến đăng kiểm phương tiện thủy nội địa và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Chương III
NHIỆM VỤ CỦA NHÂN VIÊN NGHIỆP VỤ, ĐĂNG KIỂM VIÊN, LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ

Điều 10. Nhiệm vụ của nhân viên nghiệp vụ

Nhân viên nghiệp vụ thực hiện các nhiệm vụ dưới đây theo sự phân công của lãnh đạo đơn vị:

1. Tiếp nhận yêu cầu công việc.

2. Cấp phát hồ sơ đăng kiểm phương tiện.

3. Ghi hồ sơ, sổ quản lý phục vụ công tác đăng kiểm.

4. Thống kê, báo cáo.

5. Tiếp nhận, quản lý, lưu trữ hồ sơ, ấn chỉ phục vụ công tác đăng kiểm.

6. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công của lãnh đạo đơn vị.

Điều 11. Nhiệm vụ, phạm vi thực hiện của Đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra hạng III

1. Nhiệm vụ

a) Kiểm tra đóng mới, lần đầu, định kỳ, trên đà, hàng năm, bất thường phương tiện và đánh giá trạng thái kỹ thuật của phương tiện khi kiểm tra;

b) Đo đạc, xác định trọng tải, dung tích và mạn khô của phương tiện;

c) Sao và thẩm định mẫu định hình;

d) Xác nhận hồ sơ thiết kế hoàn công đối với phương tiện đóng mới, hoán cải, sửa chữa phục hồi phương tiện;

đ) Lập và cấp hồ sơ đăng kiểm cho các đối tượng kiểm tra;

e) Tính phí, lệ phí đăng kiểm cho đối tượng kiểm tra theo quy định;

g) Hướng dẫn thực tập nghiệp vụ cho Đăng kiểm viên tập sự của hạng tương ứng;

h) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công của lãnh đạo đơn vị.

2. Phạm vi thực hiện

a) Đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra hạng III thuộc đối tượng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 5 của Thông tư này được thực hiện nhiệm vụ theo chuyên ngành quy định tại khoản 1 Điều này đối với phương tiện thủy nội địa chở hàng có trọng tải toàn phần dưới 200 tấn, phương tiện thủy nội địa có động cơ tổng công suất máy chính dưới 135 sức ngựa, phương tiện thủy nội địa có sức chở dưới 50 người (trừ phà có trọng tải toàn phần từ 50 tấn trở lên, tàu cấp VR-SB, tàu hai thân, tàu chở công te nơ, tàu có thiết bị nâng có sức nâng trên 01 tấn, tàu cao tốc, tàu đệm khí, tàu cánh ngầm, tàu dầu, tàu chở hóa chất nguy hiểm, tàu chở khí hóa lỏng). Đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra hạng III thuộc đối tượng nêu tại điểm a khoản 1 Điều 5 của Thông tư này nếu là Đăng kiểm viên chuyên ngành vỏ tàu được đào tạo bổ sung chương trình 4 Mục III Phụ lục I của Thông tư này hoặc là Đăng kiểm viên chuyên ngành máy tàu được đào tạo bổ sung chương trình 2 Mục III Phụ lục I của Thông tư này sẽ được thực hiện toàn bộ khối lượng kiểm tra trên đà, hàng năm, bất thường đối với phương tiện nêu tại điểm này.

b) Đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra hạng III thuộc đối tượng quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều 5 của Thông tư này được thực hiện nhiệm vụ theo chuyên ngành quy định tại các điểm a, b, đ, e, g, h khoản 1 Điều này đối với các phương tiện bao gồm: Phương tiện chở hàng có động cơ có tổng công suất máy chính từ 5 sức ngựa đến dưới 50 sức ngựa, phương tiện chở người có sức chở từ 5 đến 12 người và có tổng công suất máy chính từ 5 sức ngựa đến dưới 50 sức ngựa thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN25: 2010/BGTVT. Đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra hạng III thuộc đối tượng quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều 5 của Thông tư này, nếu là Đăng kiểm viên chuyên ngành vỏ tàu được đào tạo bổ sung chương trình 3 Mục III Phụ lục I của Thông tư này hoặc là Đăng kiểm viên chuyên ngành máy tàu được đào tạo bổ sung chương trình 1 Mục III Phụ lục I của Thông tư này sẽ được thực hiện toàn bộ nhiệm vụ và phạm vi thực hiện nêu tại điểm này.

Điều 12. Nhiệm vụ, phạm vi thực hiện của Đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra hạng II

1. Nhiệm vụ

Ngoài việc thực hiện các nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều 11 của Thông tư này, Đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra hạng II còn phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Kiểm tra chứng nhận chất lượng đối với sản phẩm công nghiệp sử dụng trong đóng mới, hoán cải, lắp đặt trên phương tiện;

b) Giám định kỹ thuật, tham gia điều tra tai nạn đối với phương tiện thủy nội địa trong phạm vi thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền;

c) Tham gia tập huấn nghiệp vụ cho Đăng kiểm viên hạng III và hạng II khi được yêu cầu;

d) Kiểm tra thực tế năng lực thực hành nghiệp vụ của Đăng kiểm viên hạng III.

2. Phạm vi thực hiện

a) Thực hiện công tác kiểm tra đối với các loại phương tiện thủy nội địa (trừ tàu hàng có trọng tải toàn phần từ 2000 tấn trở lên; tàu dầu loại II có trọng tải toàn phần từ 1000 tấn trở lên, tàu dầu loại I có trọng tải toàn phần từ 500 tấn trở lên, tàu hàng cấp VR-SB có trọng tải toàn phần từ 500 tấn trở lên hoặc tàu khách cấp VR-SB có sức chở từ 50 người trở lên, tàu đệm khí, tàu chở hóa chất nguy hiểm, tàu chở khí hóa lỏng).

b) Đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra hạng II, nếu là Đăng kiểm viên chuyên ngành vỏ tàu được đào tạo bổ sung chương trình 4 Mục III Phụ lục I của Thông tư này hoặc là Đăng kiểm viên chuyên ngành máy tàu được đào tạo bổ sung chương trình 2 Mục III Phụ lục I của Thông tư này sẽ được thực hiện toàn bộ khối lượng kiểm tra trên đà, hàng năm, bất thường đối với phương tiện nêu tại điểm a khoản 2 Điều 11 của Thông tư này.

Điều 13. Nhiệm vụ, phạm vi thực hiện của Đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra hạng I

1. Nhiệm vụ

Ngoài nhiệm vụ nêu tại khoản 1 Điều 12 của Thông tư này, Đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra hạng I còn phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Tham gia tập huấn nghiệp vụ cho Đăng kiểm viên hạng II và hạng I khi được yêu cầu;

b) Kiểm tra thực tế năng lực thực hành nghiệp vụ của Đăng kiểm viên hạng II;

c) Nghiên cứu khoa học, tham mưu cho lãnh đạo đơn vị về những vấn đề kỹ thuật, nghiệp vụ đăng kiểm.

2. Phạm vi thực hiện

a) Thực hiện công tác kiểm tra đối với tất cả các loại phương tiện thủy nội địa;

b) Đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra hạng I, nếu là Đăng kiểm viên chuyên ngành vỏ tàu được đào tạo bổ sung chương trình 4 Mục III Phụ lục I của Thông tư này hoặc là Đăng kiểm viên chuyên ngành máy tàu được đào tạo bổ sung chương trình 2 Mục III Phụ lục I của Thông tư này sẽ được thực hiện toàn bộ khối lượng kiểm tra trên đà, hàng năm, bất thường đối với phương tiện nêu tại điểm a khoản 2 Điều 11 của Thông tư này.

Điều 14. Nhiệm vụ, phạm vi thực hiện của Đăng kiểm viên thẩm định thiết kế

1. Nhiệm vụ

a) Thẩm định hồ sơ thiết kế đóng mới, hoán cải, sửa đổi đối với phương tiện đóng mới, hoán cải, sửa chữa phục hồi phương tiện và phương tiện nhập khẩu; thẩm định thiết kế lập hồ sơ đối với phương tiện nhập khẩu, phương tiện đã đóng mà không có sự giám sát của đăng kiểm; thẩm định thiết kế các sản phẩm công nghiệp sử dụng cho phương tiện thủy nội địa; thẩm định thiết kế mẫu định hình;

b) Thẩm định hồ sơ, tài liệu hướng dẫn của tàu bao gồm Thông báo ổn định cho thuyền trưởng, Kế hoạch ứng cứu ô nhiễm dầu của tàu, Kế hoạch ứng cứu ô nhiễm của tàu do chở các chất lỏng độc hại;

c) Lập hồ sơ đăng kiểm liên quan đến việc thẩm định thiết kế;

d) Tính phí, lệ phí thẩm định thiết kế theo quy định;

đ) Tham gia xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hướng dẫn nghiệp vụ đăng kiểm;

e) Tham gia hướng dẫn thực tập nghiệp vụ cho Đăng kiểm viên thực tập nghiệp vụ thẩm định thiết kế.

2. Phạm vi thực hiện được thẩm định tất cả các loại thiết kế đối với phương tiện thủy nội địa đã thực tập.

Điều 15. Nhiệm vụ của lãnh đạo đơn vị

1. Tổ chức thực hiện và kiểm tra, giám sát công tác đăng kiểm của đơn vị đăng kiểm đảm bảo đúng quy định.

2. Tổ chức triển khai các nhiệm vụ khác theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

Chương IV
QUYỀN HẠN, TRÁCH NHIỆM CỦA NHÂN VIÊN NGHIỆP VỤ, ĐĂNG KIỂM VIÊN, LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ

Điều 16. Quyền hạn, trách nhiệm của nhân viên nghiệp vụ

1. Quyền hạn

a) Từ chối cấp hồ sơ đăng kiểm khi chủ phương tiện không nộp phí và lệ phí đăng kiểm theo quy định;

b) Bảo lưu và báo cáo cấp trên trực tiếp của lãnh đạo đơn vị khi ý kiến của mình khác với ý kiến của lãnh đạo đơn vị.

2. Trách nhiệm

Chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện công việc được phân công trước lãnh đạo đơn vị và trước pháp luật.

Điều 17. Quyền hạn, trách nhiệm của Đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra

1. Quyền hạn

a) Yêu cầu chủ phương tiện hoặc cơ sở đóng mới, sửa chữa phương tiện, cơ sở sản xuất sản phẩm công nghiệp cung cấp hồ sơ kỹ thuật và tạo điều kiện cần thiết để thực hiện công tác kiểm tra kỹ thuật, đảm bảo an toàn trong quá trình thực hiện nhiệm vụ tại hiện trường;

b) Bảo lưu và báo cáo lên cấp trên trực tiếp của lãnh đạo đơn vị khi ý kiến khác với quyết định của lãnh đạo đơn vị về kết luận đánh giá trạng thái kỹ thuật của phương tiện, sản phẩm công nghiệp;

c) Được ký và sử dụng ấn chỉ nghiệp vụ khi lập hồ sơ đăng kiểm cho phương tiện, sản phẩm công nghiệp theo quy định;

d) Từ chối thực hiện nhiệm vụ nếu công việc được phân công chưa được đào tạo hoặc vượt quá năng lực chuyên môn của Đăng kiểm viên hoặc khi nhận thấy các điều kiện để thực hiện công tác kiểm tra kỹ thuật, an toàn lao động tại hiện trường không bảo đảm.

2. Trách nhiệm

a) Thực hiện công tác đăng kiểm khách quan, đúng pháp luật, phù hợp với các nội dung ghi trong Giấy chứng nhận Đăng kiểm viên và chức năng, nhiệm vụ của đơn vị đăng kiểm;

b) Chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện công việc được phân công trước lãnh đạo đơn vị và trước pháp luật.

Điều 18. Quyền hạn, trách nhiệm của Đăng kiểm viên thẩm định thiết kế

1. Quyền hạn

a) Yêu cầu đơn vị thiết kế cung cấp hồ sơ kỹ thuật và tạo điều kiện cần thiết để thực hiện nhiệm vụ;

b) Bảo lưu và báo cáo lên cấp trên ý kiến khác với quyết định của thủ trưởng đơn vị về kết luận đánh giá thiết kế phương tiện, sản phẩm công nghiệp;

c) Được ký và sử dụng ấn chỉ nghiệp vụ khi thiết lập hồ sơ thẩm định thiết kế cho phương tiện, sản phẩm công nghiệp theo quy định hiện hành;

d) Từ chối thẩm định thiết kế phương tiện, sản phẩm công nghiệp nếu công việc được phân công chưa được đào tạo hoặc vượt quá năng lực chuyên môn của đăng kiểm viên.

2. Trách nhiệm

a) Thực hiện thẩm định thiết kế khách quan, đúng pháp luật, phù hợp với các nội dung ghi trong Giấy chứng nhận Đăng kiểm viên và chức năng, nhiệm vụ của đơn vị đăng kiểm;

b) Chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện công việc được phân công trước lãnh đạo đơn vị và trước pháp luật.

Điều 19. Quyền hạn, trách nhiệm của lãnh đạo đơn vị

1. Được ký hồ sơ đăng kiểm theo quy định.

2. Hủy bỏ kết luận của Đăng kiểm viên khi xét thấy kết luận đó chưa đúng và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

3. Chịu trách nhiệm trước Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam, Giám đốc Sở Giao thông vận tải và trước pháp luật về hoạt động của đơn vị đăng kiểm theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

Chương V
TẬP HUẤN NGHIỆP VỤ ĐĂNG KIỂM, CÔNG NHẬN VÀ ĐÌNH CHỈ ĐĂNG KIỂM VIÊN

Điều 20. Tập huấn và thực tập nghiệp vụ đăng kiểm

1. Chương trình tập huấn nghiệp vụ và thực tập nghiệp vụ đăng kiểm thực hiện theo quy định tại Mục I và Mục II Phụ lục I của Thông tư này.

2. Nhân viên nghiệp vụ, Đăng kiểm viên sau khi hoàn thành chương trình tập huấn nghiệp vụ được cấp giấy chứng nhận theo mẫu quy định tại Phụ lục II của Thông tư này.

Điều 21. Thẩm quyền công nhận, đình chỉ Đăng kiểm viên

Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam quyết định công nhận, đình chỉ Đăng kiểm viên và thu hồi Giấy chứng nhận Đăng kiểm viên theo quy định tại Thông tư này.

Điều 22. Hội đồng công nhận Đăng kiểm viên

1. Hội đồng công nhận Đăng kiểm viên có chức năng tham mưu cho Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam công nhận Đăng kiểm viên.

2. Thành phần hội đồng có 05 hoặc 07 thành viên, gồm: Đại diện lãnh đạo Cục Đăng kiểm Việt Nam là Chủ tịch hội đồng; thư ký hội đồng; thành viên thường trực và Đăng kiểm viên.

3. Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam quyết định thành lập và quy định cụ thể quy chế làm việc của Hội đồng công nhận Đăng kiểm viên.

Điều 23. Hồ sơ đề nghị công nhận Đăng kiểm viên

Người được đề nghị công nhận Đăng kiểm viên hoàn thiện 01 bộ hồ sơ và nộp trực tiếp tại Cục Đăng kiểm Việt Nam hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hình thức phù hợp khác. Hồ sơ bao gồm:

1. Hồ sơ công nhận Đăng kiểm viên lần đầu

a) Giấy đề nghị của đơn vị đăng kiểm theo mẫu quy định tại Phụ lục III của Thông tư này (bản chính);

b) Lý lịch chuyên môn của người được đề nghị công nhận Đăng kiểm viên theo mẫu quy định tại Phụ lục IV của Thông tư này (bản chính);

c) Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao chứng thực các văn bằng chứng chỉ chuyên môn, ngoại ngữ;

d) Báo cáo thực tập nghiệp vụ của người được đề nghị công nhận Đăng kiểm viên theo mẫu quy định tại Phụ lục V của Thông tư này (bản chính).

2. Hồ sơ công nhận lại Đăng kiểm viên

a) Giấy đề nghị của đơn vị đăng kiểm theo mẫu quy định tại Phụ lục III của Thông tư này (bản chính);

b) Lý lịch chuyên môn của Đăng kiểm viên theo mẫu quy định tại Phụ lục IV của Thông tư này (bản chính) nếu có thay đổi so với hồ sơ công nhận lần đầu.

3. Hồ sơ công nhận nâng hạng Đăng kiểm viên

a) Giấy đề nghị của đơn vị đăng kiểm theo mẫu quy định tại Phụ lục III của Thông tư này (bản chính);

b) Lý lịch chuyên môn của người được đề nghị nâng hạng Đăng kiểm viên theo mẫu quy định tại Phụ lục IV của Thông tư này (bản chính);

c) Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao chứng thực các văn bằng chứng chỉ chuyên môn, ngoại ngữ;

d) Báo cáo thực tập nghiệp vụ của người được đề nghị nâng hạng Đăng kiểm viên theo mẫu quy định tại Phụ lục V của Thông tư này (bản chính).

Điều 24. Công nhận đăng kiểm viên lần đầu

1. Cục Đăng kiểm Việt Nam tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ; trong phạm vi 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, nếu hồ sơ không đầy đủ thì hướng dẫn cho đơn vị đăng kiểm và người được đề nghị công nhận Đăng kiểm viên hoàn thiện lại; nếu hồ sơ đầy đủ thì thống nhất với đơn vị đăng kiểm và người được đề nghị công nhận Đăng kiểm viên về thời gian, địa điểm để tiến hành kiểm tra thực tế năng lực thực hành nghiệp vụ. Thời gian hoàn thành việc kiểm tra thực tế tối đa 03 tháng, kể từ ngày thông báo.

2. Cục Đăng kiểm Việt Nam tiến hành kiểm tra thực tế năng lực thực hành nghiệp vụ của người được đề nghị công nhận Đăng kiểm viên; lập biên bản kiểm tra thực tế năng lực thực hành nghiệp vụ theo mẫu quy định tại Phụ lục VI của Thông tư này. Nếu năng lực thực hành của người được đề nghị công nhận Đăng kiểm viên không đạt thì thông báo cho đơn vị đăng kiểm và người được đề nghị công nhận Đăng kiểm viên, thời gian kiểm tra thực tế năng lực thực hành nghiệp vụ lại tối thiểu sau 03 tháng, kể từ ngày thông báo; nếu kiểm tra thực tế năng lực thực hành nghiệp vụ lại không đạt thì Đăng kiểm viên phải được cập nhật lại lý thuyết trước khi đánh giá lần 2 sau 06 tháng, kể từ ngày thông báo; nếu năng lực của người được đề nghị công nhận Đăng kiểm viên đạt yêu cầu thì Hội đồng công nhận Đăng kiểm viên căn cứ tiêu chuẩn đăng kiểm viên quy định tại Thông tư này và kết quả kiểm tra thực tế năng lực thực hành nghiệp vụ theo biên bản kiểm tra quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này đề nghị Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam quyết định công nhận Đăng kiểm viên và cấp Giấy chứng nhận Đăng kiểm viên theo mẫu quy định tại Phụ lục VII của Thông

tư này trong phạm vi 03 ngày làm việc sau khi có kết quả kiểm tra thực tế năng lực thực hành nghiệp vụ của người được đề nghị công nhận Đăng kiểm viên. Giấy chứng nhận Đăng kiểm viên có thời hạn hiệu lực là 05 năm, kể từ ngày cấp.

3. Kết quả công nhận Đăng kiểm viên được trả cho Đơn vị đăng kiểm và người được đề nghị công nhận Đăng kiểm viên trực tiếp tại trụ sở Cục Đăng kiểm Việt Nam hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác.

Điều 25. Công nhận lại Đăng kiểm viên

1. Đăng kiểm viên đã hoàn thành nhiệm vụ, không bị bất kỳ hình thức kỷ luật nào, trước khi Giấy chứng nhận Đăng kiểm viên hết hiệu lực 03 tháng, gửi hồ sơ công nhận lại Đăng kiểm viên theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 23 của Thông tư này. Cục Đăng kiểm Việt Nam sẽ kiểm tra thực tế năng lực thực hành nghiệp vụ, công nhận lại theo quy định tại khoản 1 Điều 24 của Thông tư này.

2. Người được công nhận là Đăng kiểm viên mà không thực hiện nhiệm vụ của Đăng kiểm viên ghi trong Phụ lục Giấy chứng nhận Đăng kiểm viên trong thời gian 12 tháng, khi đơn vị đăng kiểm có giấy đề nghị công nhận lại Đăng kiểm viên theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 23 của Thông tư này sẽ được Cục Đăng kiểm Việt Nam kiểm tra lại thực tế năng lực thực hành nghiệp vụ theo quy định tại khoản 1 Điều 24 của Thông tư này trước khi được phép thực hiện nhiệm vụ của Đăng kiểm viên đã được công nhận.

3. Trong thời gian giữ hạng, nếu Đăng kiểm viên vi phạm kỷ luật bị đình chỉ nhiệm vụ, khi hết thời hạn kỷ luật, đơn vị đăng kiểm phải có giấy đề nghị công nhận lại Đăng kiểm viên theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 23 của Thông tư này. Nếu Giấy chứng nhận Đăng kiểm viên còn hiệu lực thì Cục Đăng kiểm Việt Nam sẽ ra văn bản công nhận lại Đăng kiểm viên. Trường hợp Giấy chứng nhận Đăng kiểm viên hết hiệu lực thì Cục Đăng kiểm Việt Nam sẽ kiểm tra lại thực tế năng lực thực hành nghiệp vụ, công nhận lại Đăng kiểm viên theo quy định tại Điều 24 của Thông tư này.

Điều 26. Công nhận nâng hạng Đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra

1. Đăng kiểm viên được nâng hạng cao hơn nếu đủ tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 6, Điều 7 của Thông tư này.

2. Trong thời gian giữ hạng, nếu Đăng kiêm viên bị đình chỉ từ 01 đến 03 tháng thì thời gian giữ hạng kéo dài thêm 12 tháng so với quy định tại khoản 3 Điều 6 và khoản 2 Điều 7 của Thông tư này; trường hợp bị đình chỉ từ 03 đến 06 tháng thì thời gian giữ hạng kéo dài thêm 18 tháng; trường hợp bị đình chỉ từ 06 đến 12 tháng thì thời gian giữ hạng kéo dài thêm 24 tháng.

3. Hồ sơ và trình tự, thủ tục đề nghị nâng hạng Đăng kiểm viên thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 23 và Điều 24 của Thông tư này.

Điều 27. Công nhận Đăng kiểm viên trong trường hợp đặc biệt

1. Đăng kiểm viên tàu biển đã được công nhận theo quy định của pháp luật, cán bộ kỹ thuật có trình độ đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành vỏ tàu thủy, máy tàu thủy, kỹ thuật tàu thủy, cơ khí tàu thuyền có kinh nghiệm giám sát chất lượng an toàn kỹ thuật tàu thuyền trong các đơn vị đóng mới, sửa chữa phương tiện, còn độ tuổi lao động sau khi tập huấn nghiệp vụ Đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa, có thời gian thực tập nghiệp vụ tối thiểu 3 tháng, sẽ được kiểm tra thực tế năng lực thực hành nghiệp vụ để công nhận Đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra hạng III.

2. Những người có chuyên môn thuộc ngành vỏ tàu thủy hoặc máy tàu thủy, còn trong độ tuổi lao động, được tổ chức đăng kiểm nước ngoài hoặc tổ chức có thẩm quyền xác nhận trình độ chuyên môn sẽ được Hội đồng công nhận Đăng kiểm viên xem xét hồ sơ, kiểm tra và đề nghị công nhận đăng kiểm viên.

3. Đối với các Đăng kiểm viên tàu biển đã được công nhận theo quy định của pháp luật sau thời gian 06 tháng kể từ ngày công nhận Đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra hạng III, nếu được tập huấn nghiệp vụ Đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra hạng II và được đánh giá năng lực thực hành đạt yêu cầu theo quy định tại Thông tư này sẽ được công nhận nâng hạng Đăng kiểm viên chuyên ngành hạng II; sau thời gian 06 tháng kể từ ngày công nhận Đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra hạng II, nếu được tập huấn nghiệp vụ Đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra hạng I và được đánh giá năng lực thực hành đạt yêu cầu sẽ được công nhận nâng hạng Đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra hạng I.

4. Thủ tục đề nghị công nhận Đăng kiểm viên

a) Trường hợp đề nghị công nhận Đăng kiểm viên nêu tại khoản 1, khoản 2 Điều này, thủ tục đề nghị thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 23 và Điều 24 của Thông tư này. Đối với trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này, trong hồ sơ đề nghị, văn bản xác nhận quy định tại khoản 2 Điều này thay thế báo cáo thực tập nghiệp vụ quy định tại điểm d khoản 1 Điều 23;

b) Trường hợp đề nghị công nhận nâng hạng Đăng kiểm viên nêu tại khoản 3 Điều này, thủ tục đề nghị thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 23 và Điều 24 của Thông tư này.

Điều 28. Cấp lại Giấy chứng nhận Đăng kiểm viên

Trường hợp Giấy chứng nhận Đăng kiểm viên còn hiệu lực nhưng bị mất, hư hỏng, đơn vị đăng kiểm có văn bản đề nghị cấp lại nêu rõ lý do cấp lại. Cục Đăng kiểm Việt Nam sẽ cấp lại Giấy chứng nhận Đăng kiểm viên trong thời hạn

03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, trường hợp không cấp lại có văn bản nêu rõ lý do. Thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận Đăng kiểm viên được cấp lại bằng thời hạn hiệu lực còn lại của Giấy chứng nhận Đăng kiểm viên bị mất, bị hư hỏng.

Điều 29. Đình chỉ Đăng kiểm viên

1. Đăng kiểm viên bị đình chỉ có thời hạn 01 tháng khi vi phạm một trong các khoản 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 Điều 9 của Thông tư số 42/2012/TT-BGTVT ngày 16 tháng 10 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định trách nhiệm và xử lý vi phạm trong công tác đăng kiểm.

2. Đăng kiểm viên bị đình chỉ đến 03 tháng khi vi phạm tối thiểu hai trong số các khoản 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 Điều 9 của Thông tư số 42/2012/TT-BGTVT hoặc vi phạm tối thiểu hai lần một trong các khoản này.

3. Đăng kiểm viên bị đình chỉ đến 06 tháng khi vi phạm một trong các khoản 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 Điều 9 của Thông tư số 42/2012/TT-BGTVT mà trước đó đã bị đình chỉ 03 tháng theo quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Đăng kiểm viên bị đình chỉ đến 12 tháng khi vi phạm một trong các khoản 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 Điều 9 của Thông tư số 42/2012/TT-BGTVT mà trước đó đã bị đình chỉ theo quy định tại khoản 3 Điều này hoặc bị kỷ luật cảnh cáo có liên quan đến công tác đăng kiểm.

5. Đăng kiểm viên bị thu hồi Giấy chứng nhận Đăng kiểm viên khi vi phạm một trong các khoản 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 Điều 9 của Thông tư số 42/2012/TT-BGTVT mà trước đó đã bị đình chỉ đến 12 tháng hai lần trong thời hạn có hiệu lực của Giấy chứng nhận Đăng kiểm viên.

Chương VI
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 30. Trách nhiệm của Cục Đăng kiểm Việt Nam

1. Lập kế hoạch, chương trình, ban hành tài liệu tập huấn nghiệp vụ, tổ chức tập huấn nghiệp vụ; tổ chức kiểm tra thực tế năng lực thực hành nghiệp vụ người được đề nghị công nhận Đăng kiểm viên và cấp Giấy chứng nhận Đăng kiểm viên theo quy định tại Thông tư này.

2. Hướng dẫn, kiểm tra, phát hiện và xử lý vi phạm các quy định của Thông tư này tại các đơn vị đăng kiểm phương tiện thủy nội địa trên phạm vi toàn quốc.

Điều 31. Trách nhiệm của Sở Giao thông vận tải

Giám đốc Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm thực hiện và kiểm tra việc thực hiện quy định của Thông tư này tại các đơn vị đăng kiểm của địa phương quản lý.

Điều 32. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

2. Bãi bỏ Quyết định số 2687/2000/QĐ-BGTVT ngày 14 tháng 9 năm 2000 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Tiêu chuẩn chức trách và nhiệm vụ của Đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa; bãi bỏ Điều 2 Thông tư số 34/2011/TT-BGTVT ngày 26/4/2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về đăng kiểm phương tiện thủy nội địa ban hành kèm theo Quyết định số 25/2004/QĐ-BGTVT ngày 25 tháng 11 năm 2004 và Tiêu chuẩn, chức trách, nhiệm vụ của Đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa ban hành kèm theo Quyết định số 2687/2000/QĐ-BGTVT ngày 14 tháng 9 năm 2000 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

Điều 33. Điều khoản chuyển tiếp

1. Cục Đăng kiểm Việt Nam tổ chức rà soát và công nhận hạng Đăng kiểm viên phù hợp với tiêu chuẩn Đăng kiểm viên quy định tại Thông tư này đối với Đăng kiểm viên đang giữ hạng theo quy định tại Quyết định số 2687/2000/QĐ-BGTVT, hoàn thành trước ngày 01 tháng 01 năm 2019.

Các Đăng kiểm viên trên 50 tuổi hiện đang là Đăng kiểm viên hạng I, hạng II trước ngày Thông tư này có hiệu lực, được miễn chứng chỉ ngoại ngữ khi xem xét chuyển tiếp.

2. Lãnh đạo đơn vị, nhân viên nghiệp vụ đang làm việc tại các đơn vị đăng kiểm phải đáp ứng tiêu chuẩn quy định tại Thông tư này trước ngày 01 tháng 01 năm 2019.

Điều 34. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam, Giám đốc Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 34;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, Cơ quan ngang Bộ, Cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Các Thứ trưởng Bộ GTVT;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ GTVT;
- Báo Giao thông, Tạp chí GTVT;
- Lưu: VT, TCCB.

BỘ TRƯỞNG

Đinh La Thăng